

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 5 - 2020

V/v: "Ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Lê Hồng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Trần Xuân Văn.

Ông: Trần Đình Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Nga - Thư ký TAND thành phố Đồng Hới.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 359/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị Th; sinh năm 1981; Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Đường X, TDP y, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quang Tr; sinh năm 1960; Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Đường X, TDP y, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2019, bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Th và ông Nguyễn Quang Tr xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, TP. Đ vào ngày 16/12/2016. Quá trình sống chung vợ chồng luôn phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách trái ngược, hơn nữa ông Tr sống không chung thủy. Mặc dù bà Th đã nhiều lần góp ý khuyên bảo nhưng ông Tr vẫn không thay đổi, ông Tr không có trách nhiệm, bỏ mặc không lo lắng đến gia đình, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hai bên đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai; tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Th xin được ly hôn để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu giải quyết.

* Sau khi nhận được Toà án thông báo thụ lý vụ án và triệu tập của Tòa án, tại bản tự khai đề ngày 10/01/2020 bị đơn ông Nguyễn Quang Tr trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

- Về quan hệ hôn nhân ông Tr đồng ý như đơn xin ly hôn của bà Hoàng Thị Th.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Ông Tr khai vợ chồng có chung quyền sử dụng 140 m² đất, đã xây dựng 01 ngôi nhà cấp 3 diện tích 200 m²; xe máy đồ nội thất, đồ thờ cúng trong gia đình. Đất ở hơn 140 m² và nhà 2 tầng do ông Tr đầu tư là chính (400 triệu/500 triệu đồng tiền mua đất nhưng do bà Th đứng tên trên sổ đỏ cấp 2015), làm nhà năm 2016 tổng chi khoảng 800 triệu đồng do ông Tr bỏ ra 400 triệu đồng (tiền ông Tr bán xe ô tô 380 triệu + 20 triệu đưa tiền mặt) và 200 triệu đồng ông Tr chuyển khoản cho bà Th (4 đợt mỗi đợt 50 triệu đồng), cùng tiền mua sắm nội thất hơn 100 triệu đồng, chưa tính các khoản đầu tư khác. Nay giá thị trường toàn bộ tài sản khoảng 2,5 - 3 tỷ đồng; ông Tr đề nghị phương án chia đều số tài sản trên (cũng tương đương số tiền ông đã đầu tư hơn 1 tỷ đồng). Trước đây vì tin tưởng bà Th nên ông đầu tư để chung sống, nhưng chỉ sau 2 năm thì bà Th đã lật mặt muốn ly hôn và có ý định chiếm đoạt luôn tài sản trên. Nếu Tòa xác định vợ chồng ông không có tài sản chung thì ông phải đề nghị xử lý bằng việc tố cáo về việc lừa tình lừa tiền chiếm đoạt tài sản gửi các cấp chính quyền địa phương, Công ty du lịch S Quảng Bình và các cấp ủy Đảng nhờ can thiệp. Tuy nhiên, ông Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản; trong văn bản trả lời Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 11/02/2020 của Tòa án; ông Tr xin vắng mặt vì lý do công việc không thể có mặt tại Tòa được. Ông Tr đồng ý ly hôn với điều kiện tài sản chung phải được chia đôi mặc dù ông đã đầu tư cả đất và nhà trên 80% giá trị (năm 2016). Điều này thể hiện trong quyết định ly hôn là tài sản được chia theo thỏa thuận dân sự (của hai bên tự giải quyết). Nếu sau đó không giải quyết được ông Tr sẽ đệ đơn kiện đề nghị Tòa án xử lý bằng một vụ án tranh chấp tài sản khác.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Tr đều vắng mặt. Việc hòa giải không tiến hành được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị Th, đây là vụ án hôn nhân gia đình về "Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại TP. Đồng Hới nên

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt giấy triệu tập cho ông Nguyễn Quang Tr là bị đơn, ông Tr chỉ gửi văn bản tự khai trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Sau đó Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn đến Tòa để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông Tr không đến Tòa án để hoà giải theo giấy triệu tập nên Tòa án không thể tiến hành hoà giải được.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập bị đơn đến phiên toà đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, tại phiên toà ngày 08/5/2020, bị đơn ông Tr vắng mặt lần thứ nhất nên Tòa án đã hoãn phiên toà. Quyết định hoãn phiên toà và Thông báo ấn định thời gian địa điểm mở lại phiên toà lần thứ hai đã được tổng đạt hợp lệ cho bị đơn, tại phiên toà hôm nay ông Tr tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Th và ông Nguyễn Quang Tr xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Lẽ ra, vợ chồng phải biết thương yêu, chung thủy, nhường nhịn, tôn trọng nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại, ông bà đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thiếu sự chia sẻ trách nhiệm, hai bên thiếu tin tưởng nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, vợ chồng đã thực sự chấm dứt quan hệ và sống ly thân, không có trách nhiệm gì với nhau. Bà Th xin ly hôn, ông Tr cũng đồng ý và không đến Tòa để được hòa giải. Điều này chứng tỏ rằng mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho vợ chồng ly hôn là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Hai bên đều khai chưa có con chung, không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Th không yêu cầu chia tài sản chung. Mặc dù ông Tr trong bản tự khai có khai về tài sản chung, ông yêu cầu Tòa án ghi nhận thể hiện trong quyết định ly hôn là tài sản được chia theo thỏa thuận dân sự (của hai bên tự giải quyết). Nếu sau đó không giải quyết được ông Tr sẽ đệ đơn kiện đề nghị Tòa án xử lý bằng một vụ án tranh chấp tài sản khác.

Hai bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Hoàng Thị Th phải chịu toàn bộ 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Hoàng Thị Th được ly hôn ông Nguyễn Quang Tr.

2. Về quan hệ con chung: Không có

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết. Sau này nếu không tự thỏa thuận được ông Nguyễn Quang Tr có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án xử lý bằng một vụ án tranh chấp chia tài sản sau ly hôn.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Số tiền bà Th phải nộp được khấu trừ từ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Đồng Hới theo biên lai số AA/2017/0005625 ngày 02 tháng 12 năm 2019.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đồng Hới;
- TAND Tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA DS TP Đồng Hới;
- Các đương sự.
- UBND xã L, ĐH, QB;
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hồng Sơn